

GIÁO DỤC TƯ DUY SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

Ngô Vũ Thu Hằng

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Bài viết này trình bày một số vấn đề lí luận về tư duy sáng tạo và hoạt động giáo dục tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học. Bài viết đưa ra một số gợi ý cụ thể về các hoạt động học tập và hướng dẫn thực hiện vai trò kiến tạo mà giáo viên có thể vận dụng vào thực tế dạy học trên lớp giúp phát triển tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018. Bài viết cũng mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về việc tổ chức thực hiện các hoạt động học tập sáng tạo và đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động này trong việc giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo, từ đó có thể có được những khuyến nghị phù hợp cho việc giáo dục tư duy sáng tạo phù hợp với đặc điểm của giáo viên và học sinh tiểu học ở Việt Nam.

Từ khoá: tư duy sáng tạo, giáo dục, học sinh tiểu học, hoạt động học tập.

1. Mở đầu

Cùng với sự tò mò (curiosity) và đa dạng (diversity), sáng tạo (ST) (creativity) được cho là một trong những yếu tố quan trọng giúp nhân loại phát triển được như ngày nay. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc” [1]. ST là một hoạt động tư duy của bộ não con người và tư duy sáng tạo (TDST) là một năng lực (NL) trí tuệ vô cùng quan trọng đối với thành công của bất cứ ai. Một nền giáo dục (GD) giúp phát triển TDST cho học sinh (HS) sẽ tạo ra những công dân tương lai có năng lực (NL) và phẩm chất cần thiết để giúp phát triển kinh tế, xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

TDST đã và vẫn đang là một NL cốt lõi mà nhiều chương trình GD trên thế giới cũng như ở Việt Nam chú trọng phát triển cho HS. Mặc dù vậy, GD TDST vẫn còn đang là một thách thức với nhiều nhà trường, nhiều giáo viên (GV) tiểu học ở nền văn hoá kế thừa Nho giáo. Nhiều GV thiếu các ý tưởng phù hợp cho bài học, cho hoạt động DH giúp phát triển TDST cho HS, ngay cả khi chương trình Giáo dục phổ thông 2018 [2] đã được đưa vào thực hiện với sự kêu gọi mạnh mẽ GV thay đổi tiếp cận, phương pháp DH. Bài viết này nhằm trình bày một số vấn đề lí luận về TDST và hoạt động GD TDST cho HS tiểu học. Bài viết đưa ra một số gợi ý cụ thể, có ý nghĩa về các hoạt động học tập và vai trò kiến tạo mà GV tiểu học có thể áp dụng vào thực tế DH trên lớp để phát triển TDST cho HS, qua đó góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình GD phổ thông 2018 [2] nhằm hiện thực hoá quan điểm GD phát triển năng lực cho HS.

Ngày nhận bài: 21/1/2022. Ngày sửa bài: 22/2/2022. Ngày nhận đăng: 1/4/2023.

Tác giả liên hệ: Ngô Vũ Thu Hằng. Địa chỉ e-mail: hangnvt@hnue.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thế nào là sáng tạo và tư duy sáng tạo?

Có nhiều quan điểm về ST. Taylor [3] đã xác định được hơn 60 định nghĩa khác nhau về ST. Dựa trên việc phân tích nội dung của các bài báo về ST, Plucker, Beghetto, và Dow [4] định nghĩa: “ST là sự tương tác giữa khả năng, quy trình và môi trường mà qua đó một cá nhân hoặc nhóm cá nhân tạo ra sản phẩm được cho là vừa mới lạ, vừa hữu ích trong bối cảnh xã hội cụ thể.” TDST là khả năng nhận thức, hiểu và nảy sinh những ý tưởng mới từ một vấn đề, và khả năng truyền tải kết quả vốn có trong bản chất suy nghĩ có tính tổng hợp và thích nghi của con người [5], [6]. Craft [7] nêu bật các thuộc tính giải quyết vấn đề, tính mới và phát hiện vấn đề trong TDST. Ông cho rằng TDST gắn với một quá trình bao gồm các hoạt động tưởng tượng, đặt câu hỏi và trải nghiệm. TDST cũng bao hàm việc quan sát và phân tích một vấn đề từ các suy đoán khác nhau, đưa ra các giải pháp mới và tiếp cận các thực thể nhận thức mới mà trước đây chưa tồn tại [6], [8].

TDST là một dạng NL. NL TDST được hiểu là khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ và các thuộc tính tâm lí như ý chí, niềm tin, sự mạnh dạn... để có thể thực hiện hiệu quả một hoạt động hay nhiệm vụ mang tính ST, từ đó có thể giải quyết thành công một vấn đề gặp phải trong thực tiễn. Bằng cách thúc đẩy NL TDST, HS tiểu học được phát triển các kĩ năng hữu ích cho việc khám phá và hiểu thế giới của chính mình, đồng thời giúp các em tạo ra các khái niệm mới, sửa đổi hoặc mở rộng các ý tưởng hiện có [9]. Việc GD TDST sẽ giúp phát triển tư duy, trí tuệ cho HS, làm cho kết quả học tập có tính bền vững, sâu sắc; khai thác được vốn kinh nghiệm, vốn sống của HS, khiến cho việc học tập trở nên thú vị, hấp dẫn hơn. Đặc biệt, đối với HS tiểu học, NL TDST có thể giúp các em hình thành và phát triển khả năng nhận diện vấn đề, khả năng phát hiện vấn đề và tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề, khả năng nhận định, đánh giá, khả năng tạo ra cái mới.

Việc GD TDST cho HS tiểu học được nhấn mạnh cần biến thành các hoạt động cụ thể thông qua các bài học, nhiệm vụ học tập trên lớp. Mặc dù vậy, nhiều GV tiểu học ở Việt Nam còn mơ hồ, lúng túng, không hiểu rõ cách GD giúp phát triển TDST cho HS. Nhiều GV vẫn còn dạy dập khuôn với các bước, trình tự, quy tắc cứng nhắc, tập trung vào GV nên HS vẫn chưa thoát ra khỏi khuôn mẫu, không bộc lộ được tính ST cũng như phát huy các NL của mình. Cách DH máy móc, áp đặt, một chiều, không coi trọng sự đa dạng và cái nhìn có phần e dè, định kiến với sự khác biệt, mới lạ cũng là một rào cản cho cả GV và HS trong việc thực hiện GD phát triển NL TDST, làm cho cả GV và HS không dám sáng tạo cái mới. GV dễ trở về với kiểu DH theo lối mòn, kinh viện truyền thống, dẫn đến thúc đẩy HS học bằng cách học thuộc lòng, học vẹt, học tủ, sa vào lí thuyết sáo rỗng và cản trở phát huy, phát triển ở các em các NL, phẩm chất cần thiết.

2.2. Thành tố và biểu hiện của năng lực TDST

TDST, tư duy phản biện và tư duy giải quyết vấn đề có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có sự giao thoa với nhau do giữa chúng có nhiều điểm chung [10]. Các NL tư duy này đều được nhấn mạnh cần phát triển cho HS trong nhiều chương trình GD phổ thông trên thế giới, gắn với mục tiêu đào tạo và phát triển những HS có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Cụ thể, chương trình GD của Anh đã đưa ra 6 NL cốt lõi xuyên suốt tất cả các lĩnh vực học tập và các môn học, trong đó có NL TDST. Chương trình GD phổ thông Australia bao gồm 7 NL chung trong đó có NL tư duy phản biện và ST. Trong 9 NL then chốt được nói tới trong chương trình GD phổ thông của Mỹ cũng có NL TDST. Như vậy, có thể thấy TDST là một NL được coi trọng ở nhiều chương trình GD trên thế giới. Điều này là dễ hiểu và phù hợp, nhất là trong bối cảnh hiện tại thế giới đang bước vào cuộc cách mạng tri thức với sự phát triển vượt bậc của khoa học và công nghệ. TDST trở thành một yếu tố quan trọng và là sức mạnh của nhiều quốc

gia trong cuộc chạy đua sáng tạo nên những sản phẩm vật chất và tinh thần độc đáo, khác biệt, chất lượng. Trong cuộc đua này, GD mang ý nghĩa chiến lược vì nó có thể giúp chuẩn bị TDST ở mỗi công dân tương lai ngay từ khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường.

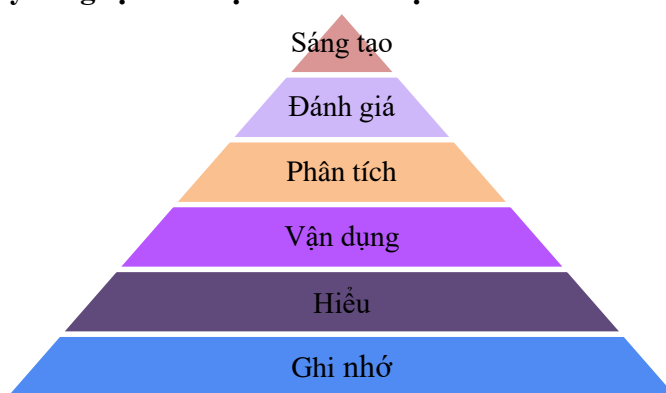
Đáp ứng yêu cầu đổi mới từ thực tiễn và cập nhật xu thế quốc tế, Chương trình GD Phổ thông 2018 của Việt Nam [2] cũng đã khẳng định ST và giải quyết vấn đề có sự gắn bó mật thiết với nhau. ST là hành vi đầu ra của TDST và đầu ra của TDST cũng là nhằm giải quyết một vấn đề nào đó gặp phải trong thực tiễn. ST và giải quyết vấn đề là hai trong các NL chung then chốt cần hình thành và phát triển cho HS phổ thông. Chương trình GDPT 2018 cũng đã chỉ ra các thành tố cốt lõi của NL ST và giải quyết vấn đề, đồng thời đưa ra mức độ phát triển của NL này ở cả 3 cấp học. Với cấp tiểu học, NL ST và giải quyết vấn đề được trình bày với 6 thành tố được mô tả bằng các biểu hiện cần đạt sau:

Thành tố	Biểu hiện
i. Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.
ii. Phát hiện và làm rõ vấn đề	Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.
iii. Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả thực hiện.
iv. Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.
v. Thiết kế và tổ chức hoạt động	- Xác định được nội dung chính và cách thức hoạt động để đạt được mục tiêu đặt ra theo hướng dẫn. - Nhận xét được ý nghĩa của các hoạt động.
vi. Tư duy độc lập	Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh; không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng; sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.

(Nguồn: Chương trình GDPT Tổng thể, Bộ GD&ĐT, 2018)

Nhìn vào bảng trên có thể thấy ST gồm một chuỗi các hoạt động gắn liền với việc nhận ra ý tưởng và tạo ra cái mới nhằm giải quyết vấn đề đặt ra, thể hiện rõ qua các hoạt động như đề xuất và thiết kế, ở đó HS thể hiện tư duy độc lập với việc đưa ra được những ý kiến khác nhau và sẵn sàng thay đổi, chấp nhận cái mới.

2.3. Giáo dục tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học



Biểu đồ 1. Bloom's Taxonomy [11]

TDST được coi là một NL tư duy bậc cao cần được hình thành và GD cho HS ngay từ bậc tiểu học. Theo thang nhận thức Bloom, ST là tư duy nằm ở vị trí cao nhất trong nhóm tư duy, như trong Biểu đồ 1.

Theo biểu đồ trên, ST, đánh giá và phân tích được coi là những kĩ năng tư duy bậc cao (higher-order thinking skills). Ghi nhớ, hiểu và vận dụng được coi là những kĩ năng tư duy bậc thấp (lower-order thinking skills). Ngoài ra, biểu đồ cũng cho thấy các kĩ năng tư duy bậc cao được phát triển dựa trên các kĩ năng tư duy bậc thấp. Theo Bloom, để thúc đẩy TDST cho HS, GV nên sử dụng đa dạng các hoạt động, nhiệm vụ học tập khác nhau cho HS thực hiện, bao gồm các hoạt động, nhiệm vụ như là: đề xuất, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, phỏng đoán, phát triển, tạo lập, sáng tác, điều tra - khám phá, sản xuất, đóng vai, phát minh – chế tạo... Dựa vào các đặc điểm của TDST, các biểu hiện của NL ST và các hoạt động ST như đã mô tả ở trên, dưới đây là một số gợi ý về các nhiệm vụ học tập GV có thể sử dụng để GD TDST cho HS thông qua một số môn học trong Chương trình GD tiểu học 2018.

Hoạt động ST	Môn/ Hoạt động	Chủ đề/ mạch nội dung	Gợi ý nhiệm vụ học tập
Đề xuất	Toán	Phân số (lớp 3)	Đề xuất các cách chia 1 tờ giấy hình chữ nhật thành 2 phần hoặc 4 phần bằng nhau.
	Tiếng Việt	Từ (lớp 4)	Đề xuất các cách/biện pháp xác định từ loại (danh từ, động từ, tính từ).
	Đạo đức	Yêu quý bạn bè (lớp 2)	Đề xuất việc làm giúp tăng cường hành vi đoàn kết/nhân ái của HS trong lớp.
	Khoa học	Đất (lớp 4)	Đề xuất việc làm giúp bảo vệ môi trường đất.
Thiết kế	Toán	Hình học (lớp 3)	Thiết kế một ngôi nhà với cửa sổ có sử dụng hình tròn/ hình chữ nhật/ hình vuông và tô màu, trang trí ngôi nhà đó.
		Hình học (lớp 4)	Thiết kế một chiếc túi/gạch lát nền có sử dụng đường thẳng song song và trang trí đường thẳng song song sao cho đẹp mắt.
	Tiếng Việt	Tập viết (lớp 3)	Thiết kế và trang trí tiêu đề cho một bài thơ có sử dụng mẫu chữ in hoa
	Tự nhiên & Xã hội	Thời tiết (lớp 1)	Thiết kế bản vẽ trang phục cho bạn nam/nữ mặc phù hợp với thời tiết nắng, mưa, nóng, lạnh để giữ cho cơ thể khỏe mạnh.
	Đạo đức	Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình (lớp 2)	Thiết kế poster hướng dẫn cách giữ gìn và bảo quản một đồ dùng trong gia đình.
Lắp ráp	Toán	Hình học (lớp 3)	Lắp ráp các khối gỗ với hình thù khác nhau để tạo thành mô hình một sự vật.
	Tiếng Việt	Viết văn miêu tả sự vật (lớp 3)	Lắp ráp các thẻ chữ đã cho để tạo thành những câu văn hoàn chỉnh miêu tả về một sự vật.

Hoạt động ST	Môn/ Hoạt động	Chủ đề/ mạch nội dung	Gợi ý nhiệm vụ học tập
	Tự nhiên & Xã hội	Thực vật và động vật (lớp 3)	Lắp ráp/Gắn các bộ phận của cây vào đúng vị trí để tạo thành cái cây hoàn chỉnh. Nêu tên các bộ phận đó.
Xây dựng	Toán	Các phép tính với số tự nhiên (lớp 2)	Ra đề toán (bằng lời hoặc bằng hình vẽ) về phép tính cộng, trừ, nhân, chia...
	Tiếng Việt	Văn miêu tả đồ vật (lớp 3)	Xây dựng dàn ý cho đoạn văn miêu tả một đồ vật.
	Đạo đức	Tuân thủ quy định nơi công cộng (lớp 3)	Xây dựng nội quy thư viện/góc đọc sách của trường/lớp.
	Khoa học	Chất (lớp 4)	Xây dựng mô hình/sơ đồ vòng tuần hoàn nước trong tự nhiên.
Phỏng đoán	Toán	Số và phép tính (lớp 1)	Đoán số đó là số mấy qua cách bạn dùng cơ thể hoặc chân tay để mô phỏng số đó.
	Tiếng Việt	Học vần (lớp 1)	Đoán chữ cái/từ đó là gì qua ngôn ngữ cơ thể, hành động của bạn (hoặc đoán chữ cái qua các sự vật có đặc điểm giống với chữ cái).
	Tự nhiên & Xã hội	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể (lớp 1)	Đoán sự vật đó là gì dựa vào mô tả bằng lời của bạn.
	Khoa học	Hỗn hợp và dung dịch (lớp 5)	Đoán điều gì sẽ xảy ra khi trộn đường/bột sắn dây vào một cốc nước rồi khuấy đều.
Phát triển	Toán	Các phép tính với số tự nhiên (lớp 2)	Cho trước một số và ra đề toán liên quan đến số đã cho.
	Tiếng Việt	Kiểu văn bản và thể loại (lớp 3)	Xem tranh và xây dựng đoạn văn kể chuyện gắn với các nhân vật trong tranh.
	Đạo đức	Nhận lỗi và sửa lỗi (lớp 2)	Tưởng tượng và phát triển tiếp câu chuyện/tình huống đã cho thể hiện cách ứng xử phù hợp.
	Tự nhiên & Xã hội	Thực vật và động vật (lớp 3)	Hoàn thiện sơ đồ một cái cây và xác định được tên một số bộ phận của cái cây đó.

Hoạt động ST	Môn/ Hoạt động	Chủ đề/ mạch nội dung	Gợi ý nhiệm vụ học tập
Tạo lập	Toán	Hình học (lớp 3)	Lập sơ đồ tư duy về các hình.
	Tiếng Việt	Từ (lớp 3)	Lập sơ đồ tư duy về từ.
	Đạo đức	Quý trọng thời gian (lớp 2)	Lập thời gian biểu để thực hiện thói quen sinh hoạt nề nếp.
	Tự nhiên & Xã hội	Gia đình (lớp 3)	Tạo lập một sơ đồ cây về gia đình và họ hàng.
Sáng tác	Toán	Hình học (lớp 3)	Sáng tác bài thơ ngắn giới thiệu/nói về một hình nào đó.
	Tiếng Việt	Viết văn (lớp 3)	Sáng tác một bài thơ/văn nói về một người bạn mà em yêu quý và vẽ minh họa cho bài thơ/văn đó.
	Đạo đức	Yêu quý bạn bè (lớp 2)	Vẽ tranh <i>Cây tình bạn</i> với những bông hoa ghi tên gọi các việc làm thể hiện sự yêu quý bạn bè.
	Tự nhiên & Xã hội	Thực vật và động vật (lớp 3)	Quan sát và viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về một cây nào đó với các bộ phận của nó. Vẽ lại cái cây đó.
Điều tra - khám phá	Toán	Hình học (lớp 1)	Quan sát và cho biết trong lớp có những đồ vật nào có dạng hình vuông/ hình tròn/ hình tam giác/ hình chữ nhật.
	Tiếng Việt	Học vần (lớp 1)	Xác định trong lớp có bạn/đồ vật nào có tên gọi chứa vần đang học.
	Tự nhiên & Xã hội	Trường học (lớp 3)	Điều tra khám phá xem khu vực nào trong trường được giữ gìn hoặc không được giữ gìn vệ sinh sạch sẽ
	Đạo đức	Kính trọng thầy cô giáo (lớp 3)	Điều tra, khám phá xem hành vi kính trọng thầy cô giáo nào được các bạn trong lớp thực hiện tốt và chưa tốt.
Sản xuất/Làm	Toán	Hình học (lớp 3)	Nặn các hình/mô hình bằng đất nặn
	Tiếng Việt	Viết văn (lớp 2 – 5)	Làm tập san/truyện tranh
	Đạo đức	Nhân ái (lớp 1, 2, 3)	Làm bưu thiếp dành tặng người thân/thầy cô/bạn bè.
	Khoa	Năng lượng	Làm chong chóng bằng giấy

Hoạt động ST	Môn/ Hoạt động	Chủ đề/ mạch nội dung	Gợi ý nhiệm vụ học tập
	học	mặt trời, gió và nước chảy (lớp 5)	
Đóng vai	Toán	Số tự nhiên/ Hình học (lớp 1)	Đóng vai một số tự nhiên/hình và tự kể/giới thiệu/mô tả về mình.
	Tiếng Việt	Kể chuyện/ Viết văn (lớp 2)	Đóng vai/hoá thân vào một nhân vật/sự vật và kể lại câu chuyện (hoặc miêu tả bản thân).
	Đạo đức	Phù hợp với các chủ đề, nội dung	Đóng vai xử lí tình huống cho trước gắn với nội dung bài học.
	Khoa học	Chất (lớp 5)	Tưởng tượng mình là nước và đóng kịch để kể câu chuyện để giới thiệu về mình
Phát minh, chế tạo	Trải nghiệm STEAM	Liên môn, tích hợp nhiều kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Chế tạo bình lọc nước. - Chế tạo chiếc ghế ngồi/chậu cây làm từ đồ tái chế.

2.4. Thực hiện vai trò kiến tạo của GV trong GD TDST cho HS tiểu học

Để HS ST, vai trò kiến tạo của GV [12] có ý nghĩa quan trọng. Cũng giống như một cầu thủ kiến tạo - không phải là người trực tiếp ghi bàn thắng nhưng có công lớn giúp đồng đội ghi bàn thắng, GV kiến tạo không thuyết trình, truyền thụ trực tiếp kiến thức đến HS mà là người hỗ trợ, hướng dẫn, giám sát để HS tự hình thành, phát triển kiến thức cho bản thân thông qua tổ chức các hoạt động học tập đa dạng và giàu tính ST. Vai trò kiến tạo của GV là bộ đỡ, bộ phóng cho HS phát huy, phát triển khả năng TDST của mình. Để thực hiện vai trò kiến tạo trong GD TDST cho HS tiểu học, GV cần duy trì các thái độ và hành động sau trong quá trình dạy học trên lớp:

2.4.1. Cởi mở trong tiếp nhận ý kiến và nhận xét, đánh giá

Muốn HS sáng tạo, GV cần phải có thái độ cởi mở trong quá trình tương tác với HS trên lớp. Nếu GV áp đặt HS phải làm như thế này, thế kia, sẽ tiêu diệt sự ST ở HS vì các em sẽ nghĩ rằng ý tưởng, sản phẩm của mình là không đúng, không được chấp nhận mà phải như cô mới là đúng. Khi ấy, ý tưởng, nhận thức của HS vô tình sẽ bị hạn hẹp, đóng khung lại và có thể dẫn đến tình trạng HS làm chỉ để vừa lòng, thoả mãn ý cô giáo nhưng không như suy nghĩ hay niềm tin của bản thân. Sự cởi mở thể hiện ở việc GV biết ghi nhận ý kiến, sản phẩm do HS tạo ra, lắng nghe HS trình bày và nhận thấy những ưu điểm, tích cực trong các ý kiến, sản phẩm của HS, bày tỏ những băn khoăn, thắc mắc trước một vấn đề, ý kiến nào mình chưa rõ liên quan đến hoạt động, sản phẩm của HS và cho HS có cơ hội phản hồi, làm rõ. GV không đóng khung lời nhận xét của mình trong sự đơn giản “đúng” hay “sai” trước những đề xuất, phương án tạo ra bởi HS và cũng không coi mình là trung tâm của hoạt động nhận xét, đánh giá. Thay vào đó, GV tạo cơ hội cho các HS trong lớp tham gia nhận xét, đánh giá ý tưởng, sản phẩm của bạn với định hướng ghi nhận ưu điểm và đưa ra góp ý xây dựng để cải thiện sản phẩm được tốt hơn nữa.

2.4.2. Coi trọng sự đa dạng, khác biệt

GV kiến tạo sự ST ở HS luôn coi trọng sự đa dạng, khác biệt vì cô hiểu rằng đặc điểm của ST là không giống nhau, là tính riêng độc đáo. Việc coi trọng sự đa dạng, khác biệt được GV thể hiện ở chỗ cô cho phép HS có những cách tiếp cận vấn đề khác nhau, được nói lên ý tưởng từ suy nghĩ riêng của cá nhân, dùng ngôn ngữ của chính mình, cho phép HS đưa ra các ý kiến khác biệt, thậm chí là đối lập. Cô không ép, không khuyến khích HS phải nghĩ giống nhau, nói giống nhau, làm giống nhau, tạo ra các sản phẩm như nhau. Trái lại, cô luôn có ý thức và động viên để HS có thể mạnh dạn thể hiện cái riêng của mình trong ý tưởng, sản phẩm và bày tỏ thái độ thích thú, hào hứng, ủng hộ HS khi các em tạo ra một văn hoá tinh thần hay vật chất đa dạng, khác biệt ngay trong lớp học. Chính vì thế, HS cũng cảm thấy thoải mái khi đưa ra các ý kiến, ý tưởng, tạo ra các sản phẩm theo cách riêng của mình mà không có bất kì sự e dè, sợ hãi nào chế ngự, lo rằng cô hay bạn sẽ chỉ trích hoặc chê cười mình kì quặc, lạ lùng.

2.4.3. Khuyến khích các ý tưởng độc đáo, mới lạ.

Để nuôi dưỡng sự ST ở HS, GV không những cởi mở với các ý kiến, sản phẩm của HS mà cô còn mạnh dạn khuyến khích các em suy nghĩ để đưa ra được các ý tưởng độc đáo, mới lạ, không theo truyền thống, lối mòn, không theo đám đông, thậm chí chưa từng có trước đó. Cô sẵn sàng cho HS điếm thưởng, lời tuyên dương nêu ý tưởng, sản phẩm của em táo bạo, độc đáo nhưng vẫn đảm bảo thuyết phục được mọi người xung quanh. Cô đưa ra các gợi ý giúp HS tiếp cận vấn đề ở những góc độ khác nhau thay vì hướng dẫn hay yêu cầu HS đi theo một quy trình thường thấy. Chính vì thế, cô cho phép HS được thử nghiệm để có nhiều trải nghiệm học tập sâu sắc và không nhìn lỗi sai ở HS như một điều gì đó quá ghê gớm, không cho phép xảy ra. Trái lại, cô nhìn nhận lỗi sai có tính GD và học tập qua trải nghiệm, qua lỗi sai là một cách GD có ý nghĩa, giúp phát triển TDST cho HS.

2.4.4. Đẩy mạnh vai trò giám sát, trợ giúp

Vai trò giám sát, trợ giúp thể hiện ở chỗ GV biết tạo ra không gian, thời gian cho HS học một cách tự chủ, độc lập. Cô không sa đà vào việc nói và đưa ra những hướng dẫn kĩ càng, cầm tay chỉ việc mà tập trung vào vai trò định hướng tổ chức, điều phối, giám sát và hỗ trợ khi cần thiết. Nếu như HS có thể tự mình xoay sở thực hiện được nhiệm vụ với sự chuyển giao nhiệm vụ rõ ràng của GV, với sự hợp tác của bạn trong nhóm, với tài liệu sẵn có, trong một tâm thế tích cực, chủ động và tập trung vào công việc, GV hoàn toàn có thể để HS học, làm một cách độc lập mà không có sự can thiệp quá sâu vào quá trình học của HS. Trong quá trình giám sát HS thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện HS gặp khó khăn, GV có thể tiếp cận, trao đổi để nhận biết khó khăn đó và đưa ra các câu hỏi mang tính định hướng, gợi ý để HS có thêm phương hướng, cơ sở cho các lựa chọn, quyết định của mình.

2.4.5. Duy trì bầu không khí học tập tương tác đa chiều, tập trung vào HS.

TDST gắn liền với tư duy phản biện [13] và tư duy độc lập. Do đó, người GV kiến tạo NL TDST cho HS cần duy trì bầu không khí học tập tương tác đa chiều với sự tập trung vào HS, coi trọng các ý kiến phát biểu, sự chia sẻ cởi mở, lời nhận xét, đánh giá của HS. DH tích cực được hiểu đơn giản là cho HS làm và tổ chức cho HS trình bày hay nói về những cái mà chúng làm. ST được thể hiện trong việc làm của HS, thể hiện trong đầu ra là sản phẩm do HS làm ra. Việc GV tổ chức cho HS trình bày và chia sẻ sau mỗi phần làm, gắn với mỗi sản phẩm học tập của HS có ý nghĩa quan trọng vì nó giúp HS có được những phản hồi cần thiết để học tập tiến bộ hơn, làm tốt hơn sau đó. Muốn như vậy, GV cần trở thành một người điều phối, một chủ toạ khôn khéo và dân chủ của một “hội thảo” (seminar) phạm vi lớp mà ở đó HS nào cũng có quyền được nói, được đưa ra ý kiến của cá nhân mình liên quan đến vấn đề của bài học. Các ý kiến tương tác đa chiều cũng phản ánh phần nào đặc điểm “đa dạng, khác biệt”, “độc đáo, mới lạ” của TDST, đồng thời chúng góp phần giúp cho HS có thêm thông tin phong phú, kiến thức thực tế từ nhiều nguồn, nhiều góc độ khác nhau để hoàn thiện quá trình, sản phẩm ST của mình.

3. Kết luận

GD TDST cho HS tiểu học không chỉ phụ thuộc vào việc đổi mới chương trình mà còn phụ thuộc phần lớn vào người thực hiện. GV đóng vai trò chìa khoá trong việc phát triển TDST cho HS, trong việc thực hiện định hướng DH phát triển phẩm chất và NL. Muốn phát triển TDST cho HS, đòi hỏi bản thân người GV tiểu học cần hiểu rõ về hoạt động GD TDST. Ngoài việc có được tri thức lí luận về nó, GV cũng cần được trang bị, cung cấp những ý tưởng thực tế về các hoạt động học tập giúp phát triển TDST cho HS tiểu học, phù hợp với chương trình GD Phổ thông 2018 [2]. Bên cạnh đó, họ cần biết rõ cách thực hiện những vai trò kiến tạo giúp phát triển TDST cho HS qua các giờ học trên lớp. Bài viết này vừa có ý nghĩa lí luận trong việc cung cấp những tri thức khoa học có tính hệ thống hoá về TDST, vừa có ý nghĩa thực tiễn khi đưa ra những gợi ý cụ thể về các hoạt động học tập ST phù hợp với chương trình GD Phổ thông 2018 [2] và hướng dẫn GV cách thực hiện các vai trò DH giúp thúc đẩy hoạt động ST ở HS. Bài viết cũng mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về việc tổ chức thực hiện các hoạt động học tập ST và đánh giá mức độ hiệu quả của chúng trong việc giúp HS phát triển TDST, từ đó có thể có được những khuyến nghị phù hợp cho việc GD TDST phù hợp với đặc điểm của GV và HS tiểu học ở Việt Nam.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong đề tài mã số SPHN 22 – 02 TĐ do TS. Ngô Vũ Thu Hằng làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương, 2013. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Nguồn: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=3928>
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Nguồn: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=5755>
- [3] Taylor, C. W., 1988. *Various approaches to and definitions of creativity*. In R. J. Sternberg (Ed.), *The nature of creativity: Contemporary psychological perspectives* (pp. 99–121). New York, NY: Cambridge University Press.
- [4] Plucker, J., & Beghetto, R., 2003. *Why not be creative when we enhance creativity?* In J. H. Borland (Ed.), *Rethinking gifted education* (pp. 215–226). New York, NY: Teachers College Press.
- [5] Wang, A.Y., 2012. Exploring the relationship of creative thinking to reading and writing. *Thinking Skills and Creativity*, Volume 7, Issue 1, Pages 38-47.
- [6] Ward, T. B., Smith, S. M., & Vaid, J., 1997. *Conceptual structures and processes in creative thought*. In T. B. Ward, S. M. Smith, & J. Vaid (Eds.), *Creative thought: An investigation of conceptual structures and processes* (pp. 1–27). American Psychological Association. <https://doi.org/10.1037/10227-001>
- [7] Craft, A., 2000. *Creativity across the primary curriculum: Framing and developing practice*. London: Routledge.
- [8] Hensley, N., 2020. *Educating for sustainable development: Cultivating creativity through mindfulness*. *Journal of Cleaner Production*, Volume 243, 10. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.118542>
- [9] Duffy, B., 2006. *Supporting creativity and imagination in the early years*. Maidenhead, Open University Press.
- [10] Ngô Vũ Thu Hằng, 2020. Design of a competency-based moral lesson to teach critical thinking for primary students. *Issues in Educational Research*, 30(1), 115-133.

- [11] Armstrong, P., 2010. *Bloom's Taxonomy*. Vanderbilt University Center for Teaching. Retrieved from <https://cft.vanderbilt.edu/guides-sub-pages/blooms-taxonomy/>.
- [12] Ngô Vũ Thu Hằng, 2017. Một số đặc điểm của người giáo viên kiến tạo xã hội. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Số 136, trang 42-45.
- [13] Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Liên, 2017. Critical thinking: Why is it needed to develop for Vietnamese students and what are challenges. *HNUE Journal of Science*, Vol. 62, Issue 12, pp. 24-33.

ABSTRACT

Education of creative thinking for primary students

Ngo Vu Thu Hang

Faculty of Primary Education, Hanoi National University of Education

This paper presents theoretical knowledge on creative thinking and the education of creative thinking for primary students. The paper gives some specific and meaningful suggestions about learning activities and teaching roles that primary teachers can apply in classroom practices to help develop creative thinking for students, thereby contributing to the effective implementation of the 2018 General Education Program. The paper also suggests further research on the implementation of proposed creative learning activities and evaluation of their effectiveness in helping students develop creative thinking so that appropriate recommendations for creative thinking education can be made in accordance with the characteristics of teachers and primary students in Vietnam.

Keywords: creative thinking, Education, primary students, learning activities.